

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày: 30-6-2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.
2. Ông Trần Văn Lô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2019/TLST-DS, ngày 02 tháng 12 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-DS, ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: Số xx đường N, khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; Địa chỉ: khu phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh L. (Văn bản ủy quyền ngày 15/10/2019). Có mặt.

2/ Bị đơn:

2.1 Ông Lưu Văn H, sinh năm: 1970. Vắng mặt.

2.2 Bà Võ Thị L, sinh năm: 1969. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số xx, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện 20/10/2019 của bà Nguyễn Thị N và những lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S như sau:

Ngày 05/01/2018 ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L có vay của bà N số tiền 445.000.000đ chia làm hai lần, buổi sáng vay số tiền 295.000.000đ và buổi chiều vay số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả ngày 05/02/2018, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, mục đích để làm ăn, có làm giấy nợ do ông H và bà L cùng ký tên. Số tiền này, bà L và ông H không có tiền vốn gốc, có trả tiền lãi cho bà N nhưng bà không nhớ số tiền lãi ông H, bà L đã trả.

Ngày 05/7/2018 bà L có vay số tiền 5.000.000đ, có viết giấy nợ do bà L ký tên, thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, mục đích để làm ăn, thời gian trả 1 tháng. Tổng cộng ông H và L còn nợ của bà N số tiền 450.000.000đ. Bà N nhiều lần yêu cầu ông H và bà L trả nợ nhưng bà L, ông H có trả tiền lãi (bà không nhớ số tiền lãi đã trả) nhưng không có trả tiền vốn gốc.

Ngày 05/3/2019 bà L có trả số tiền vốn gốc là 14.000.000đ.

Ngày 13/10/2019 bà L có vay tiếp số tiền 36.000.000đ, thỏa thuận đến ngày 18/10/2019 hoàn trả, bà L vay tiền lo kinh tế gia đình, không có thỏa thuận lãi suất. Tổng cộng số tiền ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L còn nợ là 472.000.000đ. Bà N đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà L trả nợ nhưng bà L và ông H không trả vốn và lãi cho bà N.

Tháng 01/2020 bà Lê có trả cho bà N số tiền vốn gốc là 36.000.000đ. Hiện nay bà L và ông H còn nợ bà N số tiền 436.000.000đ.

Vì vậy nay bà N khởi kiện yêu cầu ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L liên đới phải trả số tiền vay còn nợ là 436.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại đơn khởi kiện bà N yêu cầu bà Võ Thị L và ông Lưu Văn H trả số tiền 472.000.000đ. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà L và ông H hoàn trả cho bà N số tiền 436.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

2. Bị đơn ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông H, bà L vắng mặt không có lý do. Do ông H, bà L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ông Lưu Văn H, bà Võ Thị L phải trả số tiền vay còn nợ và ông H, bà L hiện có địa chỉ tại huyện T, tỉnh L nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, bà L theo quy định Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà N yêu cầu ông H và bà L hoàn trả số tiền vay còn nợ là 436.000.000đ. Bà N có cung cấp các giấy nợ ghi ngày 05/01/2018, ngày 05/7/2018, ngày 13/10/2019 nội dung: *“L có mượn chị 5 số tiền 295.000.000đ; L có mượn chị 5 số tiền 150.000.000đ; L có mượn thêm 5.000.000đ; L có mượn chị 5 số tiền 36.000.000đ”* có chữ ký của ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L. Tòa án đã tiến hành niêm yết cho ông H, bà L thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Trong các văn bản này Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã nộp nhưng ông H, bà L không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, có căn cứ xác định hiện ông H và bà L còn nợ số tiền vay của bà N. Căn cứ Điều 6 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Xét ông H, bà L không đến Tòa án và cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho mình xem như ông H, bà L từ chối việc cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên xác định ông H, bà L có nợ của bà N số tiền 486.000.000đ. Tại phiên tòa, bà S trình bày ông H, bà L có trả được số tiền vốn gốc 50.000.000đ (ngày 05/3/2019 trả 14.000.000đ và tháng 01/2020 trả 36.000.000đ) hiện ông H, bà L còn nợ số tiền 436.000.000đ. Từ những nhận

định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L liên đới trả số tiền vay còn nợ là 436.000.000đ cho bà Nguyễn Thị N.

[4] Về tiền lãi: Bà S đại diện cho bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L liên đới chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị N là 436.000.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay còn nợ là 436.000.000đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Văn H và bà Võ Thị L liên đới phải chịu số tiền 21.440.000đ (Hai mươi một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*-VKSND huyện Tân Trụ;
-THA DS huyện Tân Trụ;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa